TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 167/2026/HC-PT Ngày: 10/3/2026 V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Trần Đăng R, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 301/2025/TLPT-HC ngày 10/11/2025, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2026/QĐXX-PT ngày 04 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đồng Thị N, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Đồng Thị N: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố A, phường B, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản uỷ quyền ngày 15/11/2024, có mặt).

- *Người bị kiện:* Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: C H, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hồng T, Chức vụ: Giám đốc (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Lê Minh T1, Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội Cơ sở H (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Bà Trần Thị T2, Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội Cơ sở H1 (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Kim Thị Tuyết M, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đồng Thị N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện trình bày:

Con gái bà Đồng Thị N là bà Thông Thị Mỹ N1, sinh năm 1983 kết hôn với chồng tên là Diên Kim Â, sinh năm 1980. Hai vợ chồng sinh được 02 người con là: Diên Kim Vĩnh Đ, sinh ngày 19/12/2010 và Diên Kim Tố K, sinh ngày 16/5/2012, hiện thường trú tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 23/01/2024, bà N1 mất do bị đột quỵ, ngày 04/02/2024 ông Â chết do bệnh hiểm nghèo. Hai cháu là Đ và K tuổi còn rất nhỏ chưa đủ tuổi để giải quyết các công việc trong gia đình nên cần phải có người giám hộ theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, bà N đã đến UBND xã P để xin làm thủ tục giám hộ cho hai cháu. UBND xã P đã ban hành đăng ký 02 giám hộ như sau:

- Đăng ký giám hộ số 01/TL-GH ngày 18/03/2024 đối với cháu K, sinh ngày 16/5/2012;

- Đăng ký giám hộ số 59/TLGH-BS ngày 18/03/2024 đối với cháu Đ, sinh ngày 19/12/2010.

Sau đó, bà N đến Bảo hiểm xã hội tỉnh B để làm thủ tục giải quyết chế độ tử tuất cho người thân của hai cháu, thì Bảo hiểm xã hội tỉnh B căn cứ vào Văn bản số 785/BHXH-CĐBHXH ngày 02/5/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết chế độ tử tuất của ông Â và cho rằng UBND xã P đã ký giấy giám hộ và giấy người được quyền nuôi dưỡng đối với hai cháu. Nên trả lời cho bà với nội dung như sau: "Căn cứ hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành về BHXH, BHXH tỉnh B đã giải quyết chế độ tử tuất hàng tháng cho thân nhân ông Â đúng theo quy định nên không giải quyết lại chế độ tử tuất một lần theo yêu cầu của bà N được".

Bà N cho rằng Bảo hiểm xã hội tỉnh giải quyết chế độ tử tuất hàng tháng cho thân nhân của ông Â là không đúng quy định, vì bà là người giám hộ duy nhất của 02 cháu K, Đ. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết:

- Hủy Văn bản số 785/BHXH-CĐBHXH ngày 02/5/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết chế độ tử tuất của ông Â;

- Yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc giải quyết chế độ tử tuất của ông Â.

Người bị kiện trình bày:

Ngày 02/4/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh L) nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ tử tuất hàng tháng của ông Â, sinh ngày 26/8/1980, mã số BHXH 4606000621, có thời gian đóng BHXH là 19 năm 01 tháng, chết ngày 04/02/2024, do Công ty Đ2 gửi theo đường bưu chính.

Về thành phần hồ sơ: Được quy định tại Điều 111 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Điều 6 Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của Tổng Giám đốc B1 ban hành quy trình giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, gồm: Tờ khai thân nhân (Mẫu 09-HSB); Bản sao Trích lục khai tử; Giấy xác nhận nuôi dưỡng và Giấy giám hộ và nuôi dưỡng hai cháu do UBND xã P, huyện B xác nhận.

Đối với Tờ khai thân nhân: Do bà Kim Thị Tuyết M đứng tên tờ khai, là người được nhận chế độ trợ cấp mai táng và đề nghị 04 định suất tuất hàng tháng của 4 thân nhân ông Â, gồm: 02 con ông Â, bà M (là người nuôi dưỡng) và bà N (mẹ vợ ông Â).

Tại mục V của Tờ khai có nội dung: "*Cam kết của người khai: Tôi cam kết Tôi là người được các thân nhân thống nhất ủy quyền lập Tờ khai của thân nhân theo mẫu số 09-HSB. Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai trên đây là đầy đủ, đúng sự thật, nếu sai hoặc có khiếu kiện về sau tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị cơ quan BHXH xem xét, giải quyết chế độ tử tuất cho gia đình tôi theo quy định*".

Qua xem xét hồ sơ, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành về BHXH; ngày 08/4/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh L) đã giải quyết, ban hành các quyết định về việc hưởng chế độ tử tuất cho thân nhân ông Â, cụ thể như sau:

- Quyết định số 60001307/QĐ-BHXH về việc hưởng trợ cấp mai táng, do bà M đứng tên nhận trợ cấp với số tiền 18.000.000 đồng;

- Quyết định số 60001308/QĐ-BHXH về việc hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, họ tên người được hưởng trợ cấp: Diên Kim Vĩnh Đ, sinh ngày 19/12/2010, là con của ông Â, mức trợ cấp hàng tháng là 1.260.000 đồng. Họ tên người đứng nhận trợ cấp: Bà Kim Thị Tuyết M, có mối quan hệ với người được hưởng trợ cấp là người nuôi dưỡng;

- Quyết định số 60001309/QĐ-BHXH về việc hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, họ tên người được hưởng trợ cấp: Diên Kim Tố K, sinh ngày 16/5/2012, là con của ông Â, mức trợ cấp hàng tháng là 1.260.000 đồng. Họ tên người đứng nhận trợ cấp: Bà Kim Thị Tuyết M, có mối quan hệ với người được hưởng trợ cấp là người nuôi dưỡng;

- Quyết định số 60001310/QĐ-BHXH về việc hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, họ tên người được hưởng trợ cấp: Đồng Thị N, sinh ngày 01/01/1943, là mẹ vợ của ông Â, mức trợ cấp hàng tháng là 900.000 đồng;

- Quyết định số 60001312/QĐ-BHXH về việc hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, họ tên người được hưởng trợ cấp: Kim Thị Tuyết M, sinh ngày 20/03/1952, là người nuôi dưỡng (ông Â có nghĩa vụ nuôi dưỡng khi còn sống), mức trợ cấp hàng tháng là 900.000 đồng;

- Thời điểm hưởng trợ cấp tuất hàng tháng kể từ ngày 01/03/2024.

Bảo hiểm xã hội tỉnh cho rằng đã giải quyết đúng và đầy đủ chế độ bảo hiểm, việc trợ cấp hàng tháng là đảm bảo quyền lợi cho các con của ông Â cũng như những người khác. Do đó Người bị kiện đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã P trình bày: Ngày 18/3/2024, bà N có lên xã xin đăng ký giám hộ cho hai cháu. Sau khi kiểm tra hồ sơ thì Uỷ ban xét thấy đủ điều kiện về sức khỏe, quan hệ nên đã tiến hành làm hồ sơ cho bà N. Theo quy định pháp luật thì cha mẹ hai cháu đã mất, chỉ còn bà nội, còn bà M là bà ngoại thứ nên bà N có đủ tư cách được giám hộ cho hai cháu. Nên phía Uỷ ban đã cấp hai Quyết định giám hộ số 58/TLGH-BS ngày 18/3/2024 và Quyết định giám hộ số 59/TLGH-BS ngày 18/3/2024 cho bà N. Ủy ban xã P không có ban hành Quyết định giám hộ nào khác cho bà M, chỉ xác nhận là bà M có nuôi dưỡng hai cháu.

Bà Kim Thị Tuyết M trình bày: Bảo hiểm xã hội tỉnh B ra quyết định cho bà và 02 cháu được hưởng chế độ tử tuất là đúng. Vì bà là người nuôi dưỡng ông Â từ nhỏ đến lớn, sau đó ông Â đi lấy vợ là bà N1 và cùng sinh sống với bà. Hiện nay 02 cháu Đ, K (con của vợ chồng ông Â, bà N1) cũng sống cùng bà trên căn nhà mà bà xây từ năm 2008 đứng tên ông Â. Số tiền mà Bảo hiểm xã hội chi trả mai táng là 18 triệu, tuất 3 suất là hơn 3 triệu (03 người gồm bà và hai cháu Đ, K). Số tiền nhận được cũng ít ỏi không đủ nuôi sống hai đứa cháu của bà. Bà cũng không giành nuôi hai cháu, bà cũng có kêu hai đứa cháu về sống cùng bà nội (là bà N) nhưng do đường xa nên hai cháu không đi. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 19/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 111 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 47 Luật Trẻ em năm 2016;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

B yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị N về việc:

- Hủy Văn bản số 785/BHXH-CĐBHXH ngày 02/5/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết chế độ tử tuất của ông Diên Kim Â.

- Yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh L) thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc giải quyết chế độ tử tuất của ông Diên Kim Â.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/8/2025, bà Đồng Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L là người đại diện hợp pháp của bà Đồng Thị N không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người bị kiện vắng mặt tại phiên toà nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L: Căn cứ vào các quyết định cử người giám hộ ngày 18/3/2024 thì bà N là người duy nhất làm giám hộ cho hai cháu K và Đ. Việc giám hộ còn có cử bà Đồng Thị Mỹ P (dì ruột của hai cháu K, Đ) làm giám sát. Các tài liệu mà bà M cung cấp cho Bảo hiểm xã hội tỉnh L để nhận các chế độ của ông Â như giấy xác nhận giám hộ, xác nhận có quan hệ phụng dưỡng đối với bà M được UBND xã P xác nhận là không có giá trị pháp lý, bằng chứng là sau này UBND xã P đã có văn bản huỷ bỏ. Do đó, việc Bảo hiểm xã hội tỉnh L thanh toán tiền chế độ của ông Â cho bà M là không đúng đối tượng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà N làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng ông Â từ lúc ông Â học lớp 4; 02 cháu K và Đ đang trực tiếp sinh sống với bà M và đang học tập ổn định tại đây; 02 cháu đều có nguyện vọng ở với bà M. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Đồng Thị N làm trong hạn luật định. Bà N sinh năm 1943 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của bà N đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện. Toà án đã hai lần triệu tập hợp lệ người bị kiện tham dự phiên toà, nhưng cả 02 lần đều vắng mặt, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Văn bản số 785/BHXH-CĐBHXH (sau đây viết tắt là Văn bản số 785) của Bảo hiểm xã hội tỉnh B ban hành ngày 02/5/2024, có nội dung xác định đã giải quyết chế độ tử tuất của ông Diên Kim Â - là con rể của bà N nên không thể giải quyết lại theo yêu cầu của bà N. Đây là văn bản có chứa đựng nội dung của quyết định hành chính do cơ quan Nhà nước cấp tỉnh ban hành trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội. Bà N khởi kiện yêu cầu huỷ văn bản nêu trên vào ngày 18/6/2024. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của bà N, nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thẩm quyền ban hành: Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng là cơ quan quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội trên địa bàn nên có thẩm quyền ban hành Văn bản số 785, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[4.2] Về nội dung:

Bà N là mẹ đẻ của bà N1; bà M là dì ruột và là người có quan hệ nuôi dưỡng đối với ông Â (mẹ đẻ của ông Â là em ruột của bà M); ông Â làm việc tại Điện lực tỉnh B và là người có tham gia đóng bảo hiểm xã hội; ông Â và bà N1 là vợ chồng và có 02 con chung là cháu Đ sinh ngày 19/12/2010, cháu K sinh ngày 16/5/2012; bà N1 chết ngày 23/01/2024 do đột quỵ, ông Â chết ngày 04/02/2024 do bệnh hiểm nghèo.

Sau khi ông Â chết, bà M lập thủ tục và Bảo hiểm xã hội tỉnh L đã giải quyết chế độ cho thân nhân của ông Â theo đúng quy định của pháp luật và trên thực tế các đương sự đã không khiếu nại về số tiền mà Bảo hiểm xã hội đã giải quyết, chỉ khiếu nại về việc ai được nhận số tiền này.

Xét thấy, tại "Giấy giám hộ và nuôi dưỡng hai cháu" được UBND xã P xác nhận ngày 19/3/2024 (bút lục số 61) và tại "Giấy đề nghị xác định tình trạng phụng dưỡng" được UBND xã P xác nhận ngày 29/02/2024 (bút lục số 59-60) thể hiện 02 cháu Đ, K đang sinh sống, học tập tại xã P, bà M là trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu; ông Â là con của bà Đ1 (em gái bà M), sau khi bà Đ1 chết thì vợ chồng bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng từ lúc ông Â học lớp 4 cho đến khi lập gia đình, giữa ông Â và bà M có quan hệ phụng dưỡng. Như vậy, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng chi trả các khoản tiền cho bà M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 67 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Tại thời điểm giải quyết chế độ tử tuất của ông Â thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng dựa trên các văn bản xác nhận nêu trên của UBND xã P, đến ngày 03/6/2025, UBND xã P mới có Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc hủy bỏ các xác nhận trước đây. Việc huỷ bỏ này và việc bà N cung cấp các chứng cứ thể hiện bà là người giám hộ cho 02 cháu Đ, K không là căn cứ để Bảo hiểm xã hội tỉnh Lâm Đồng chi trả lần thứ hai. Trường hợp bà N có tranh chấp về quyền giám hộ và nuôi dưỡng hai cháu Đ, K thì có thể khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà N không xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của bà N là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà N.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 58/2025/HC-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 111 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 47 Luật Trẻ em năm 2016;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Bác các yêu cầu khởi kiện sau đây của bà Đồng Thị N:

- Hủy Văn bản số 785/BHXH-CĐBHXH ngày 02/5/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B về việc giải quyết chế độ tử tuất của ông Diên Kim Â.

- Yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh L) thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật về việc giải quyết chế độ tử tuất của ông Diên Kim Â.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đồng Thị N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa